KINH NGHIỆM ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BIỂN CỦA NHẬT BẢN, BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

DƯƠNG DUY ĐẠT*

Ngày nhận: 7/11/2019
Ngày phản biện: 28/11/2019
Ngày duyệt đăng: 25/12/2019

Tóm tắt: Biển có vai trò ngày càng to lớn đối với phát triển kinh tế, xã hội và giữ vững chủ quyền của các quốc gia. Xuất phát từ vai trò quan trọng của biển, nên các quốc gia trên thế giới đều quan tâm tìm các giải pháp phát huy các nguồn lực để phát triển kinh tế biển. Trong các giải pháp phát huy các nguồn lực phát triển kinh tế biển, thì giải pháp đào tạo phát triển nguồn nhân lực biển được các quốc gia cho là quan trọng nhất, quyết định nhất và luôn quan tâm đầu tư cho phát triển. Nhật Bản là quốc gia thành công trong phát triển kinh tế xã hội nói chung, phát triển kinh tế biển nói riêng. Bài viết này tác giả tập trung giới thiệu kinh nghiệm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực biển của Nhật, từ đó rút ra bài học cho Việt Nam trong giai đoạn mới.

Từ khóa: Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực biển; Kinh nghiệm và bài học kinh nghiệm, Nhật Bản, Việt Nam.

JAPAN'S EXPERIENCE IN TRAINING AND DEVELOPING MARINE HUMAN RESOURCES, THEREBY DRAWING LESSONS FOR VIETNAM

Abstract: The ocean plays an increasingly large role in social and economic development and upholding the sovereignty of nations. Stemming from the important role of the ocean, countries around the world are interested in finding solutions to promote resources for the development of the marine economy. Among solutions to promote marine economic development resources, marine human resources training and development solutions are considered by the nations as the most important, most decisive source of investment for development. Japan is a successful country in socio-economic development, in general and marine economic development, in particular. In this article, the author focuses on introducing Japan's experience in training and developing marine human resources, thereby drawing lessons for Vietnam in the new period.

Keywords: Training, marine human resources development; experience and experience lessons, Japan, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam có vùng đặc quyền kinh tế biển rộng lớn trên 1 triệu km^2, gấp 3 lần diện tích đất liền; có bờ biển dài 3.260 km. Dọc Bắc - Trung - Nam, có 28 tỉnh, thành phố tiếp giáp với biển, trong đó có 18 khu kinh tế ven biển đã được quy hoạch phát triển. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, biển Việt Nam có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường của nước ta. "Trong suốt hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo; sau 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, tiềm lực kinh tế biển của Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh, phát triển với tốc độ khá nhanh, có những đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền biển đảo quốc gia"[1].

Tuy nhiên, trước những diễn biến mới và hết sức phức tạp của tình hình thế giới, các nước đã và đang coi biển đảo và đại dương là định hướng chiến lược phát triển chủ yếu của mình, đã tiến hành mở các tuyến hải vận nối liền các lục địa với nhau và đặt các căn cứ quân sự trên đảo. Do vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế, quốc phòng của biển, nên không chỉ các nước có biển mà cả các

[1] Nghị quyết số 36/NQ-TW, ngày 22/10/2018 *"Về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045"* của Ban Chấp hành TW Đảng khóa XII.

* *Vụ Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam*

nước không có biển trên thế giới cũng đã và đang tìm cách vươn ra biển, lấy biển là hướng mở rộng không gian sinh tồn và phát triển, làm cho tình hình biển, đảo trên thế giới xuất hiện những diễn biến hết sức phức tạp với nhiều loại hình tranh chấp quyết liệt về chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các lợi ích kinh tế trên biển, điển hình là khu vực biển Hoa Đông, Biển Đông và mới đây nhất là biển Bắc Băng Dương cũng đang có dấu hiệu "nóng" lên.

Tình hình trên đã, đang đòi hỏi khách quan, cấp bách Việt Nam phải nghiên cứu tìm các giải pháp để tập trung hơn nữa các nguồn lực cho đầu tư phát triển mạnh mẽ kinh tế biển gắn chặt với quốc phòng nhằm đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, giữ vững chủ quyền biển, đảo. Trong các nguồn lực cần quan tâm đầu tư phát triển, thì nguồn nhân lực là quan trọng nhất, quyết định nhất, không có nguồn nhân lực chất lượng cao thì kinh tế, xã hội không thể phát triển được, thậm chí còn rơi vào tình trạng kiệt quệ, bế tắc. Nên phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng và hợp lý về cơ cấu nguồn nhân lực biển trong giai đoạn hiện nay phải là mối quan tâm hàng đầu của Đảng, Nhà nước, của các ngành các cấp và của mỗi người dân Việt Nam, để góp phần tạo ra sự phát triển đột phá trong lĩnh vực biển, đảo, nhằm giữ vững chủ quyền biển đảo, sớm đưa nước ta trở thành nước phát triển toàn diện.

Xuất phát từ vai trò quan trọng, quyết định của nguồn nhân lực đối với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nói chung, đối với phát triển kinh tế biển và giữ vững chủ quyền biển đảo nói riêng. Trong bài viết này tác giả xin giới thiệu kinh nghiệm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực biển của Nhật Bản, một quốc gia có nhiều thành tựu và kinh nghiệm tiêu biểu về phát triển nguồn nhân lực biển, từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong giai đoạn mới, góp phần đẩy nhanh hơn nữa phát triển kinh tế biển.

2. Khái quát về điều kiện tự nhiên, biển, bờ biển của Nhật Bản

Nhật Bản nằm ở phía Đông của châu Á, phía Tây của Thái Bình Dương, do năm quần đảo chính và 6847 đảo nhỏ hợp thành, với diện tích 378 ngàn km2, dân số khoảng 130 triệu người. Nhật Bản có bờ biển dài 33.889 km, có nhiều vịnh nhỏ, ở Nhật đồi núi chiếm 73% diện tích tự nhiên cả nước, trong đó có trên 532 ngọn núi cao hơn 2000 mét. Ngọn núi cao nhất của Nhật là núi Phú Sĩ cao 3776 mét. Nhật Bản có nhiều thác nước, suối, sông và hồ [2].

"Nhật là quốc gia thành công và là một trong các cường quốc về phát triển kinh tế, xã hội nói chung, kinh tế biển nói riêng. GDP bình quân đầu người (GDP/người) của Nhật Bản ước đạt 43.950 USD/người năm 2017, đứng thứ ba thế giới. Mặc dầu Nhật là nước nghèo tài nguyên thiên nhiên, thiên tai khắc nhiệt, lại bị chiến tranh thế thới thứ hai tàn phá. Thành công trong phát triển kinh tế, xã hội nói chung, kinh tế biển nói riêng của Nhật ban có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân quan trọng là Nhật đã chú trọng đầu tư cho đào tạo, phát triển và sử dụng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực biển"[3].

3. Một số kinh nghiệm của Nhật về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực biển

Công tác tổ chức quản lý, điều phối chính sách đại dương và vùng bờ biển của Nhật Bản gắn với trách nhiệm của người đứng đầu đất nước, đó là sự điều hành trực tiếp của Thủ tướng thông qua bộ Tổng hành dinh về chính sách đại dương. Các bộ ngành đều phải tham gia vào quá trình quản lý, điều hành thực thi chính sách biển, trên cơ sở có sự phân công trách nhiệm quản lý rõ ràng, giữa các bộ liên quan. Với mô hình tổ chức này Nhật Bản một mặt đã nâng cao trách nhiệm điều hành của người đứng đầu đất nước về lĩnh vực biển. Mặt khác đã tạo được cơ sở để tập trung các nguồn lực cho phát triển kinh tế biển.

Là một quốc đảo, nên Nhật Bản đã chú trọng xây dựng, thực hiện chiến lược phát triển biển tập trung vào 4 nội dung cốt lõi là: (1) phân định "khu vực bảo vệ mực nước thủy triều thấp" xung quanh đường cơ sở hải đảo; (2) bảo vệ và sử dụng "công trình cứ điểm" của khu vực đặc quyền kinh tế; (3) sửa đổi Đại cương phòng vệ và Kế hoạch phòng vệ trung hạn, đảm bảo xây dựng lực lượng quân sự vững mạnh phục vụ cho chiến lược biển; (4) thuyết phục Mỹ cùng hợp tác với Nhật Bản trong tranh chấp quần đảo Sekaku/Điếu Ngư với Trung Quốc. Do quan tâm đến xây dựng, thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực nói riêng, chiến lược phát triển biển nói chung, Nhật Bản đã gặt hái được nhiều thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế, xã hội. Đặc biệt là trong phát triển kinh tế biển gắn với giữ vững chủ quyền biển, đảo. Hiện nay Nhật Bản là một trong các quốc gia đứng đầu về phát triển kinh tế biển, đã gắn phát

[2] Bách khoa toàn thư mở https://wikipedia.org/wiki/Nhật Bản.
[3] Như trên.

triển kinh tế biển với an ninh quốc phòng, giữ vững toàn vẹn chủ quyền, biển đảo[4].

Về lĩnh vực đào tạo, phát triển nguồn nhân lực biển của Nhật Bản

Nhật Bản đã sớm xác định rõ vị trí vai trò đặc biệt quan trọng của nguồn nhân lực đối với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nói chung, đối với phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng nói riêng. Nên đã chú trọng đầu tư các nguồn lực cho đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực biển. Với mục tiêu tạo ra một hệ thông giáo dục toàn diện, để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh đất nước. Trong lĩnh vực biển, đảo Nhật Bản đã rất chú trọng đến xúc tiến giáo dục xã hội, kết hợp chặt chẽ với giáo dục trong các trường phổ thông, thông qua việc đưa những vấn đề cơ bản về biển, đảo vào chương trình giáo dục trong các trường phổ thông, nhằm giáo dục nhận thức đúng đắn, những nỗ lực trong học tập, nghiên cứu về biển cho những công dân tương lai của Nhật ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

Đối với đào tạo nghề về lĩnh vực biển, Chính phủ Nhật Bản đã có nhiều chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư, phát triển hệ thống giáo dục - đào tạo nghề trong các công ty, doanh nghiệp. Đồng thời có chính sách ưu đãi trong bố trí, sử dụng và đãi ngộ đối với lực lượng lao động có tay nghề cao, chuyên môn giỏi, chính sách động viên, khuyến khích kịp thời, thỏa đáng cho các hoạt động sáng tạo của người lao động trong lao động, sản xuất, cũng như trong đời sống xã hội.

Đặc biệt trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, "Nhật Bản đã chú trọng đưa ra nhiều cơ chế khuyến khích đầu tư các nguồn lực để phát triển và hiện đại hóa các trung tâm đào tạo nhân tài, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, đồng thời có nhiều chính sách khuyến khích phát triển đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, nhằm xóa dần khoảng cách về khoa học, công nghệ của Nhật với các nước tiên tiến. Ở Nhật Bản các trường trung cấp, cao đẳng và đại học đào tạo phát triển nguồn nhân lực liên quan đến biển được hình thành sớm và phát triển nhanh. Chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo, nghiên cứu của Nhật đều tiếp cận được với công nghệ hiện đại và kinh nghiệm đào tạo, nghiên cứu của các nước có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Hầu hết các trường đại học lớn ở Nhật đều có các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu về biển, trong đó có một số trường, viện chỉ chuyên đào tạo và nghiên cứu về biển như: Đại học Khoa học và Kỹ thuật biển Tokyo"[5].

Hiện nay về lĩnh vực biển các trường đại học ở Nhật Bản đang đào tạo các chuyên ngành chính như: Hải dương học vật lý, Khí tượng, Môi trường, Sinh thái, Hóa học, Địa chất, Viễn thám, Hàng hải, Thủy sản, Dự báo và Phòng chống thiên tai, Kỹ thuật vùng bờ, Quản lý và Chính sách về biển... với các chương trình học 4 năm cho bậc đại học, 2 năm cho bậc thạc sĩ và 3 năm cho bậc tiến sĩ. Tại các trường, ngoài việc được trang bị các kiến thức lý thuyết về chuyên ngành, sinh viên, nghiên cứu sinh còn được tham gia các nghiên cứu thực địa cũng như nghiên cứu trong phòng thí nghiệm thông qua các dự án nghiên cứu của Khoa hoặc Viện nghiên cứu thuộc trường.

Hầu hết các khóa đào tạo trong các trường đại học tại Nhật được xây dựng theo hệ thống tín chỉ, giống như hệ thống đào tạo tại các trường đại học của Mỹ. Sinh viên phải học và thi đạt được số lượng các tín chỉ nhất định thì mới đủ điều kiện tốt nghiệp. Trong thời gian học, sinh viên có thể kéo dài khóa học thêm 1 hoặc 2 học kỳ. Một văn bằng đại học nói chung, văn bằng đại học lĩnh vực biển nói riêng hoàn chỉnh với khoảng 130-150 tín chỉ, do đó, trung bình trong mỗi học kỳ mỗi sinh viên phải học từ 35 đến 40 tín chỉ.

Các khóa học thạc sĩ giảng dạy tại các trường đại học của Nhật, chủ yếu dựa trên định dạng hội thảo khoa học, lượng tín chỉ của mỗi khóa là 30 tín chỉ sau đó nghiên cứu sinh phải viết luận văn để bảo vệ luận văn tốt nghiệp thạc sỹ. Đối với đào tạoTiến sĩ, thời gian lên lớp giảng dạy ít hơn và chủ yếu dựa vào kết quả các công trình nghiên cứu và viết luận án của nghiên cứu sinh. nhằm nâng cao kinh nghiệm thực tiễn cũng như tư duy nghiên cứu khoa học độc lập và khả năng làm việc theo nhóm của nghiên cứu sinh.

Nhật Bản đặc biệt quan tâm đến chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho các trường, viện nghiên cứu mở rộng hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ, để tiếp cận với

[4] Hội đồng lý luận Trung ương (2018), *Báo cáo kết quả khảo sát về Chiến lược biển tại Nhật Bản*

[5] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Dự án *"Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, quy hoạch, kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công tác nghiên cứu, điều tra và quản lý tài nguyên - môi trường, khí tượng - thủy văn biển Việt Nam.*

nền giáo dục tiên tiến trên thế giới và ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào giảng dạy, đào tạo tại các trường nhằm tránh sự tụt hậu trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nói chung, nguồn nhân lực trong lĩnh vực biển nói riêng. Cụ thể các viện nghiên cứu, các nhà khoa học về biển của Nhật bản được khuyến khích cộng tác với Văn phòng UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương tại Jakarta và các Tiểu ban UNESCO /IOC khu vực Tây Thái Bình Dương tại Bangkok.

Các Bộ và các cơ quan chính phủ có liên quan, như Cơ quan Khoa học và Công nghệ Biển và Trái Đất Nhật Bản (JAMTEC), Cơ quan đo lường Nhật Bản, Cảnh sát biển Nhật Bản, các Trường đại học và các Viện nghiên cứu, như: Viện Nghiên cứu Đại Dương tại Đại học Tokyo đã cộng tác chặt chẽ với các tổ chức quốc tế, các trường đại học, viện nghiên cứu của các quốc gia, hợp tác trong triển khai các dự án và các cuộc hội thảo do các tổ chức quốc tế, các quốc gia tổ chức, như:- Hải dương học của khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Châu Á Thái Bình Dương, quan trắc tại khu vực Đông Bắc châu Á, quan trắc tại Đông Nam Á.

Đã có nhiều hình thức phối hợp với Bộ Đất đai, Cơ sở Hạ tầng và Giao thông vận tải, các trường đại học và viện nghiên cứu của các nước để thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực Khoa học thủy văn và đào tạo, trao đổi thông tin về biển. Chính phủ Nhật khuyến khích các trường đại học của Nhật thu hút sinh viên các nước trên thế giới đến học, nghiên cứu. Hàng năm các trường đều giành học bổng và tiếp nhận đào tạo đại học, thạc sỹ. Tiến sỹ cho sinh viên, nghiên cứu sinh các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương trong đó có Việt Nam. Để một mặt nhằm giúp đỡ, hỗ trợ các nước trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Mặt khác thông qua chương trình đào tạo, hợp tác để tăng thêm thu nhập, tranh thủ được nguồn nhân lực, tri thức kinh nghiệm của các nước có sinh viên, nghiên cứu sinh tới học cho phát triển kinh tế, xã hội.

Về chính sách sử dụng và quản lý nguồn nhân lực biển

Nhật Bản thực hiện ưu tiên tuyển chọn, đào tạo những người tài giỏi để cung cấp cho xã hội nói chung, đặc biệt là cho phát triển kinh tế biển, Nhật rất coi trọng tạo môi trường, điều kiện làm việc thuận lợi và chính sách khuyến khích nhân tài nói chung, nhân tài lĩnh vực biển nói riêng, như: áp dụng chế độ lên lương và tăng thưởng theo thâm niên, nhằm phát huy cao độ tính tích cực, chủ động sáng tạo của người lao động; tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có khả năng thích ứng và tiếp cận nhanh với điều kiện làm việc và nhạy bén trong việc làm chủ công nghệ tiên tiến và các hình thức lao động mới[6].

4. Bài học kinh nghiệm về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực biển rút ra cho Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực biển của Nhật Bản, một trong những quốc gia đứng đầu thế giới về phát triển kinh tế biển trong những năm qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực biển giai đoạn tới là:

Một là, cần nâng cao nhận thức của lãnh đạo các ngành, các cấp, sau đó lan tỏa ra toàn xã hội về vai trò quan trọng và là nhân tố quyết định của nguồn nhân lực đối với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nói chung, phát triển kinh tế biển và giữ vững chủ quyền biển đảo nói riêng. Trên có sở đó nâng cao tinh thần trách nhiệm của các ngành, các cấp, của người đứng đầu các ngành các cấp và của toàn xã hội đối với việc tập trung các nguồn lực đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trình độ cao để có những bước đột phá trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội bền vững nói chung, trong lĩnh vực biển nói riêng.

Hai là, giáo dục đào tạo phải được coi là quốc sách hàng đầu, các ngành các cấp, và mỗi người dân cần phải đặc biệt quan tâm đến giáo dục, đào tạo.

Trong giáo dục đào tạo cần đặc biệt chú trọng đến giáo dục, đào tạo đại học, để tăng nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội gắn với an ninh quốc phòng vùng biển và hải đảo.

Cần đa dạng hóa các cấp, các hình thức đào tạo, đồng thời đẩy mạnh huy động các nguồn lực của cá nhân, tập thể, xã hội trong và ngoài nước đầu tư cho phát triển đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm tạo các cơ hội, điều kiện tốt nhất cho mọi người có nhu cầu đào tạo, đều được đào tạo nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh kinh tế biển đảo.

[6] Hiroshi Terashima (2009), Ocean Governance and the Japanese Basic Act on Ocean Policy, 14 April 2009, The United Nations - Nippon Foundation Fellowship Programme Inaugural Asia - Pacific Alumni Meeting.

Tăng cường phát triển đào tạo nghề cho nguồn nhân lực Biển, gắn kết chặt chẽ đào tạo từ bậc phổ thông đến đào tạo nghề và đào tạo đại học, thực hiện đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho nguồn nhân lực. Trong đào tạo phải chú trọng *kế thừa và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, khơi dậy lòng yêu nước, yêu biển đảo* kết hợp với việc tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực không chỉ có trình độ chuyên môn nghề nghiệp cao, mà còn có lòng yêu nước, có phẩm chất đạo đức tốt, ý chí phấn đấu vươn lên và trung thành với lợi ích của nhân dân và dân tộc. Đây là bài học kinh nghiệm rất sâu sắc của Nhật Bản và của nhiều nước trên thế giới, cần được nghiên cứu để có giải pháp kế thừa và phát huy trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay. Cần có giải pháp để tiếp thu có chọn lọc những thành tựu của truyền thống văn hóa Việt Nam, kết hợp với phát huy những tinh hoa của văn hóa nhân loại. Nhằm khơi dậy lòng yêu biển đảo, yêu quê hương, đất nước và lòng tự hào dân tộc, để tạo động lực cho phát triển mạnh mẽ kinh tế, xã hội, giữ vững toàn vẹn chủ quyền biển đảo.

Ba là, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ nhằm phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào phát triển kinh tế góp phần phát triển nhanh, bền vững kinh tế biển, giảm khoảng cách về khoa học công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực giữa Việt Nam với các quốc gia, để phát triển nhanh kinh tế biển và giữ vững chủ quyền biển, đảo, góp phần nhanh chóng đưa nước ta trở thành nước phát triển.

Bốn là, chú trong xây dựng, hoàn thiện chính sách thu hút, sử dụng, tạo môi trường, điều kiện làm việc và chính sách động viên khuyến khích về vật chất, tinh thần đối với nguồn nhân lực biển. Nhằm thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao cho phát triển kinh tế biển. Đồng thời để động viên, khuyến khích nguồn nhân lực nỗ lực phân đấu trong lao động, học tập, đóng góp sức lực, trí tuệ ngày càng nhiều cho sự nghiệp phát triển kinh tế và giữ vững chủ quyền biển đảo.

Năm là, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào phát triển kinh tế biển, nhằm tranh thủ kinh nghiệm, trao đổi thông tin và sự giúp đỡ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, về hợp tác đầu tư phát triển kinh tế biển và về nghiên cứu khoa học, tranh thủ công nghệ tiên tiến của các nước phát triển ứng dụng vào quản lý, phát triển kinh tế biển. Đây là kinh nghiệm rất có giá trị, nhằm tận dụng những thành quả của các nước phát triển để đi tắt đón đầu, giảm dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, xã hội, về khoa học công nghệ và về chất lượng nguồn nhân lực giữa Việt Nam và các nước tiên tiến trên thế giới...

Sáu là, cần có cơ quan trực tiếp chịu trách nhiệm trước người đứng đầu chính phủ về công tác tổ chức quản lý phát triển kinh tế, xã hội vùng biển và hải đảo nói chung, quản lý phát triển nguồn nhân lực biển nói riêng. Để gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế xã hội lĩnh vực biển và hải đảo với phát triển nguồn nhân lực biển và để nâng cao trách nhiệm của cơ quan cũng như người đứng đầu cơ quan trong việc tập trung và phát huy các nguồn lực cho đầu tư phát triển nguồn nhân lực và kinh tế xã hội biển. ❑

Tài liệu tham khảo

1. Nghị quyết số 36/NQ-TW, ngày 22/10/2018 *"về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045" của Ban Chấp hành TW Đảng khóa XII.*
2. Hội đồng lý luận Trung ương (2018), Báo cáo kết quả khảo sát về Chiến lược biển tại Nhật Bản.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2011) Quyết định số 2476/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2011 phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực ngành Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2012-2020.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Dự án "Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, quy hoạch, kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công tác nghiên cứu, điều tra và quản lý tài nguyên - môi trường, khí tượng - thủy văn biển Việt Nam.
5. Bách khoa toàn thư mở https://wikipedia.org/wiki/Nhật Bản.
6. Đặng Xuân Phương, Nguyễn Lê Tuấn Quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển, hải đảo, NXB Chính trị Quốc gia, HN năm 2014.
7. Triệu Văn Cường (2016), Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực quản lý nhà nước về biển và hải đảo ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp, Tham luận Hội thảo quốc tế với chủ đề: "Quản lý nhà nước về biển và hải đảo: vấn đề và cách tiếp cận".
8. Đoàn Văn Khái, Nguồn lực con người trong quá trình CNH, HĐH ở Việt Nam, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, năm 2005.
9. Nguyễn Trùng Khánh, "Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo", Tạp chí Du lịch Việt Nam, số 7-2007.
10. Thang Văn Phúc, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, "Những định hướng đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước theo yêu cầu cải cách hành chính tổng thể", Tạp chí Tổ chức nhà nước, năm 2001- 2010.
11. Nguyễn Thanh, Phát triển nguồn nhân lực phục vụ CNH, HĐH đất nước, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2005.
12. Vũ Bá Thể, "Phát huy nguồn lực con người để công nghiệp hóa, hiện đại hóa", NXB Lao động và Xã hội, năm 2005.